

Bản án số: **28/2022/HNGĐST**

Ngày 19-4-2022

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2022/TLST–HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị K.A** – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: số 132, khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn N.A** - sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: số 425, khu phố Đ, thị trấn T, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị *Phạm Thị K.A* trình bày:**

Chị và anh Nguyễn N.A chung sống với nhau vào tháng 11/2017, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 04/3/2021. Vợ chồng anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Trước khi kết hôn, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân

tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng tháng 2/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh N.A có những quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn rất nhiều chuyện từ vấn đề việc làm, cách sống dẫn đến gia đình không hạnh phúc, cuộc sống mỗi người tự lo, anh N.A không phụ giúp chị trong việc gia đình. Chị K.A nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K.A và anh N.A đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị K.A yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị K.A yêu cầu được ly hôn với anh N.A.
- *Về quan hệ con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn N.A trình bày:**

Anh và chị Phạm Thị K.A chung sống với nhau vào tháng 11/2017, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 04/3/2021. Vợ chồng anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Trước khi kết hôn, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 01 năm mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị chung sống ở nhà chồng tại khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức ly hôn. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay do chị K.A tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và anh có lên nhà tìm nhưng chị K.A không chịu gặp, rồi sau đó chặn số điện thoại của anh nên anh không thể liên hệ được. Ngoài ra, anh N.A cho rằng vợ chồng anh có bất đồng quan điểm với nhau dẫn đến cự cãi, sau đó hai bên đã hòa giải. Anh thừa nhận anh có đi nhậu nhưng anh vẫn lo làm ăn và anh có nhắn tin chửi chị K.A dẫn đến chị K.A chặn số điện thoại và không muốn liên lạc với anh.

- *Về con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh N.A yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh N.A không đồng ý ly hôn với chị K.A vì anh còn thương vợ, muốn vợ chồng đoàn tụ, lo làm ăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn thì anh chấp nhận nhưng anh thật lòng không muốn ly hôn với chị K.A.

- *Về quan hệ con chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị K.A được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Xét yêu cầu xin ly hôn chị Phạm Thị K.A, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, chị Phạm Thị K.A và anh Nguyễn N.A chung sống với nhau được Ủy ban Nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 04/3/2021 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K.A: Trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh N.A có những quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn rất nhiều chuyện từ vấn đề việc làm, con cái, cách sống dẫn đến gia đình không hạnh phúc, cuộc sống mỗi người tự lo, anh N.A không phụ giúp chị trong việc gia đình. Nay chị K.A nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, chị K.A vẫn kiên quyết muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ.

Xét thấy, anh N.A cũng thừa nhận vợ chồng anh chị thỉnh thoảng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi và hai bên đã hòa giải. Từ tháng 10/2021 cho đến nay thì chị K.A đã về nhà mẹ ruột sinh sống và anh đã không thể liên lạc được với chị K.A và anh N.A cũng thừa nhận là có nhắn tin chửi chị K.A dẫn đến chị K.A chặn số điện thoại và không muốn liên lạc với anh. Như vậy, thực tế chị K.A và anh N.A mỗi người ở một nơi và không còn liên hệ gì với nhau trong

một khoảng thời gian nhất định, hai bên cũng không chủ động tìm cách khắc phục, giải quyết mâu thuẫn với nhau. Mặt khác, chị K.A và anh N.A đã ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K.A và anh N.A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị K.A yêu cầu được ly hôn với anh N.A là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị K.A và anh Nguyễn N.A xác nhận vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị K.A và anh Nguyễn N.A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị K.A,

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị K.A được ly hôn với anh Nguyễn N.A.

Về quan hệ con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị K.A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị K.A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị K.A được ly hôn với anh Nguyễn N.A.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị K.A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006254, ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo